

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/10/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2021; Thông báo số 96/2021/TB-TA ngày 19/7/2021 về việc không xét xử vụ án; Thông báo số 16/2021/TB-TA ngày 31/8/2021 về việc tiếp tục xét xử vụ án; Thông báo số 112/2021/TB-TA ngày 16/9/2021 và Thông báo số 35/2021/TB-TA ngày 29/9/2021 về việc dời ngày xét xử; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Bích Q, sinh năm 2000; (có mặt)

Địa chỉ: khóm Q, phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh L, sinh năm 1998; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2021 (BL17), cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị Bích Q trình bày: Vào năm 2020 chị Hồ Thị Bích Q và anh Lê Thanh L có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 21/5/2020. Sau lễ cưới chị Q và anh L về nhà cha mẹ ruột của chị Q để sinh sống tại khóm Q, phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống chung một nhà gặp mặt là cứ cãi nhau. Trong quá trình chung sống với nhau có 01 con chung tên Lê Hồ Bảo C, sinh ngày 01/01/2021 (nữ); Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, nợ chung không có.

Nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh L. Về con chung cháu Lê Hồ Bảo C, sinh ngày 01/01/2021 (nữ) đang do chị Q nuôi dưỡng, nên chị Q yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo đơn trình bày ý kiến của bị đơn anh Lê Thanh L đề ngày 12/4/2021 (BL21): Trước đây Tòa án đã có mời hòa giải nhưng không thành, nay anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng có một số ý kiến như sau: Về con chung cháu Lê Hồ Bảo C, sinh ngày 01/01/2021 (nữ) do cháu còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ nên anh L đồng ý giao cháu Bảo C cho chị Q nuôi dưỡng, nhưng nếu chị Q đi làm hoặc đi lấy chồng gửi con lại cho bà ngoại hoặc người khác nuôi dưỡng thì anh L sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi quyền nuôi con để cho anh L được nuôi con. Về tài sản chung: Do mới cưới không lâu nên số tài sản chung là vòng vàng của mẹ chồng cho chỉ còn lại 06 chỉ vàng 24k hiện đang do chị Q quản lý, nhưng vì số tài sản quá nhỏ nên anh L cũng không yêu cầu phân chia mà đồng ý để cho chị Q mua sữa để nuôi con.

Tại phiên hòa giải ngày 06/4/2021 chị Q và anh L thống nhất về thời gian kết hôn, về con chung và khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, chị Q yêu cầu được ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh L cũng đồng ý giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh C phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh L. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Hồ Bảo C, sinh ngày 01/01/2021 (nữ) cho chị Q nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh L, nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Bích Q nhận thấy hôn nhân của chị Q và anh L là tự tìm hiểu và đến với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2020 và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2020. Quan hệ hôn nhân của chị Q và anh L không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Chị Q nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh L nên có nguyện vọng ly hôn. Chị Q và anh L đã không còn chung sống với nhau từ tháng 2 năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên chị Q suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh L, nhưng chị Q vẫn cương quyết ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị Q và anh L có 01 người con chung tên Lê Hồ Bảo C, sinh ngày 01/01/2021 (nữ) chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cuộc sống của cháu Bảo C không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Lê Hồ Bảo C, sinh ngày 01/01/2021 (nữ) cho chị Q nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Q khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Q khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Bích Q đối với bị đơn anh Lê Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Bích Q được ly hôn với anh Lê Thanh L.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hồ Bảo C, sinh ngày 01/01/2021 (nữ) cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Bảo C đủ 18 tuổi.

Anh Lê Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hồ Bảo C của chị Q thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị Q khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị Q khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị Bích Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0009375, ngày 11/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Q đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Lê Thanh L không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung

năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND Phường A;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng